BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1403 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình tạo lập, quản lý và kỹ thuật kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-BNV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Nội vụ (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ và Danh mục dùng chung ngành Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-BNV ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục các trường thông tin và cấu trúc dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương và Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình tạo lập, quản lý và kỹ thuật kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Bộ Công an (Trung tâm Dữ liệu quốc gia);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT HĐND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CQĐP, TTCNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Hải Long

QUY TRÌNH
TẠO LẬP, QUẢN LÝ VÀ KỸ THUẬT KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC DỮ LIỆU CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1403 /QĐ-BNV ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Bộ Nội vụ)

MỤC I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy trình này quy định việc tạo lập, cập nhật, kiểm tra, phê duyệt, chuẩn hóa, quản lý dữ liệu và việc kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính.

b) Quy trình này thống nhất trách nhiệm nghiệp vụ và yêu cầu kỹ thuật kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; không làm thay đổi thẩm quyền xác nhận dữ liệu, quản lý nhân sự, hồ sơ địa giới và các thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Vụ Chính quyền địa phương, Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ được giao quản lý, vận hành, quản trị Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính và các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

b) Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Sở Nội vụ; cơ quan, tổ chức, người được giao tạo lập, cập nhật, kiểm tra, phê duyệt dữ liệu.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính.

d) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật tham gia xây dựng, kết nối, tích hợp, vận hành Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính theo phạm vi được giao.

3. Trạng thái dữ liệu

a) Trạng thái xử lý dữ liệu theo quy trình cập nhật, phê duyệt gồm: chưa nhập, chờ phê duyệt, đã phê duyệt, bị trả lại. Các giá trị trạng thái xử lý do hệ thống thiết lập thống nhất; không tự bổ sung giá trị ngoài danh mục được công bố.

b) Trạng thái sử dụng dữ liệu thực hiện theo Danh mục các trường thông tin và cấu trúc dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định số 976/QĐ-BNV ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (sau đây gọi là Danh mục), gồm: đang sử dụng, ngừng sử dụng; được quản lý riêng với trạng thái xử lý dữ liệu.

c) Sự kiện đồng bộ dữ liệu gồm: thêm mới (NEW), cập nhật (UPDATE), hủy (CANCEL); mỗi sự kiện được gắn phiên bản và thời điểm cập nhật dữ liệu.

MỤC II
QUY TRÌNH TẠO LẬP, CẬP NHẬT, KIỂM TRA VÀ PHÊ DUYỆT DỮ LIỆU

4. Phạm vi, nguồn dữ liệu và nguyên tắc tạo lập

a) Dữ liệu được tạo lập theo các nhóm thông tin, trường thông tin, mã và cấu trúc dữ liệu tại Danh mục; không tự ý bổ sung đối tượng thu thập hoặc yêu cầu địa phương cập nhật thông tin ngoài phạm vi Danh mục.

b) Dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân; lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được quản lý, chia sẻ dưới dạng số liệu tổng hợp theo mã đơn vị hành chính, cấp, nhiệm kỳ hoặc kỳ báo cáo, cơ quan, chức danh theo Danh mục. Thông tin của từng cá nhân đã được cập nhật trên hệ thống chỉ được sử dụng để tổng hợp số liệu, phát hiện, loại trừ trùng lặp và đối soát dữ liệu theo quy định; không cung cấp qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu tại Phụ lục kèm theo Quy trình này và được xử lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Không yêu cầu địa phương nhập bổ sung dữ liệu định danh cá nhân ngoài Danh mục.

c) Mỗi đơn vị hành chính, thôn, tổ dân phố được quản lý theo mã định danh hoặc khóa nghiệp vụ duy nhất; số liệu tổng hợp được xác định theo mã đơn vị hành chính và kỳ, nhiệm kỳ tương ứng. Thông tin cá nhân quy định tại điểm b khoản này được quản lý theo nguyên tắc mỗi cá nhân một hồ sơ, liên kết với các chức vụ, tư cách, nhiệm kỳ; không nhập lặp lại hồ sơ đã có vì cá nhân đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân hoặc lãnh đạo cơ quan.

d) Dữ liệu được tạo lập một lần tại nguồn có thẩm quyền, sử dụng lại trong các phân hệ; cập nhật khi có thay đổi và lưu lịch sử. Nguồn và thời điểm số liệu phải được xác định; dữ liệu về diện tích, dân số, đơn vị hành chính và địa giới được đối chiếu với hồ sơ, quyết định, số liệu chính thức tương ứng.

5. Phân công, phân quyền tạo lập, kiểm tra và phê duyệt

a) Cơ quan, đơn vị tạo lập, cập nhật dữ liệu được xác định theo cột "Đơn vị chủ quản/tạo lập dữ liệu" của Danh mục và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

b) Việc kiểm tra, phê duyệt dữ liệu thực hiện như sau:

- Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do cơ quan, người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công kiểm tra, phê duyệt; Sở Nội vụ tham mưu rà soát, tổng hợp;

- Dữ liệu do Ủy ban nhân dân cấp xã tạo lập được Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận trước khi chuyển Sở Nội vụ rà soát, trình cơ quan, người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công phê duyệt;

- Dữ liệu thuộc Hội đồng nhân dân do cơ quan, người được Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công kiểm tra, phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp

nhận dữ liệu đã phê duyệt để tổng hợp, không phê duyệt thay; không thiết lập cơ chế Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thay Hội đồng nhân dân cấp xã.

c) Tài khoản được cấp cho Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và Sở Nội vụ theo phân công tại điểm a, điểm b khoản này. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã cung cấp, rà soát, xác nhận thông tin để Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã cập nhật tập trung qua tài khoản của mình. Trường hợp cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần tài khoản tác nghiệp riêng thì tài khoản đầu mối đề nghị cấp; tài khoản tác nghiệp chỉ có quyền nhập liệu trong phạm vi cơ quan, đơn vị. Phân quyền theo cấp, cơ quan, nhóm dữ liệu và trạng thái hồ sơ; tách người nhập, người kiểm tra, người phê duyệt khi điều kiện tổ chức cho phép; tài khoản hỗ trợ nhập liệu không đương nhiên có quyền phê duyệt.

d) Dữ liệu có sai sót được trả lại kèm lý do để cơ quan, đơn vị tạo lập chỉnh sửa. Trường hợp cấp tỉnh trực tiếp điều chỉnh dữ liệu của cấp xã, đơn vị trực thuộc trong phạm vi được phân quyền thì hệ thống ghi nhật ký, thông báo cho cơ quan, đơn vị tạo lập và dữ liệu sau điều chỉnh phải được phê duyệt lại; không áp dụng việc điều chỉnh trực tiếp đối với dữ liệu thuộc Hội đồng nhân dân.

đ) Hệ thống lưu nhật ký tài khoản, thời gian, nội dung thay đổi, nguồn và kết quả phê duyệt; việc trả lại, từ chối được thực hiện đối với một hoặc nhiều hồ sơ kèm lý do và lưu vết từng hồ sơ; không phê duyệt hàng loạt dữ liệu chưa được kiểm tra. Việc điều chỉnh bản ghi đã phê duyệt phải được kiểm soát, lưu phiên bản.

6. Quy trình tạo lập, cập nhật, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu

Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu thực hiện theo quy trình 06 bước tại Phần B Mục III của Danh mục, cụ thể như sau:

a) Bước 1. Khởi tạo hoặc tiếp nhận dữ liệu: Khi phát sinh văn bản, quyết định hoặc thay đổi có căn cứ cập nhật, cơ quan, đơn vị được phân công tạo lập tiếp nhận thông tin, hồ sơ; xác định nhóm dữ liệu, đối tượng, mã đơn vị hành chính, cơ quan, kỳ dữ liệu và tìm kiếm hồ sơ đã có trước khi tạo mới.

b) Bước 2. Kiểm tra: Cơ quan, đơn vị tạo lập đối chiếu thông tin với hồ sơ, tài liệu làm căn cứ; trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất thì phối hợp với cơ quan cung cấp để bổ sung, làm rõ. Hệ thống kiểm tra trường bắt buộc, kiểu dữ liệu, mã, logic, trùng lặp, quan hệ giữa các nhóm dữ liệu và thông báo lỗi cụ thể để chỉnh sửa.

c) Bước 3. Cập nhật: Cơ quan, đơn vị tạo lập nhập mới hoặc hiệu chỉnh dữ liệu theo Danh mục và danh mục dùng chung, ghi căn cứ, thời điểm có hiệu lực, tệp chứng minh (nếu được yêu cầu) và gửi trên hệ thống để kiểm tra, phê duyệt theo khoản 5 Quy trình này. Khi có thay đổi, cập nhật trên hồ sơ hiện có, không tạo hồ sơ trùng; giữ thông tin lịch sử, nhiệm kỳ và trạng thái cũ để tra cứu.

d) Bước 4. Phê duyệt: Cơ quan, người được phân công kiểm tra, đối chiếu và phê duyệt hoặc trả lại kèm lý do; không phê duyệt khi dữ liệu còn lỗi.

đ) Bước 5. Đồng bộ: Dữ liệu sau khi phê duyệt được đồng bộ tự động về Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các hệ thống khai thác theo phân quyền. Trường hợp đồng bộ không thành công, Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp với cơ quan cập nhật kiểm tra, xử lý và đồng bộ lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện lỗi.

e) Bước 6. Lưu vết: Hệ thống tự động ghi nhận thời điểm, tài khoản thực hiện, nội dung thao tác, kết quả xử lý và phiên bản dữ liệu tại các bước.

g) Thời hạn thực hiện Bước 1, Bước 2 và Bước 3 không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi có căn cứ cập nhật. Thời hạn thực hiện Bước 4 là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dữ liệu trên hệ thống; trường hợp bị trả lại, cơ quan, đơn vị tạo lập chỉnh sửa, gửi lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu và cơ quan, người phê duyệt xử lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dữ liệu đã chỉnh sửa.

7. Dữ liệu đơn vị hành chính, địa giới hành chính, dân số

a) Dữ liệu được quản lý theo hai cấp tỉnh và xã; ghi nhận mã, tên, loại đơn vị hành chính; thông tin thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới, đổi tên, sắp xếp đơn vị hành chính và văn bản làm căn cứ được ghi nhận tại trường thông tin lịch sử biến động theo Danh mục. Trường hợp chuyển đổi mã phải có bảng ánh xạ, không ghi đè làm mất liên kết lịch sử.

b) Hồ sơ địa giới hành chính, mốc, tuyến, bản đồ và dữ liệu không gian được quản lý theo phạm vi trường dữ liệu và hồ sơ pháp lý hiện hành; phân định rõ dữ liệu hồ sơ với số liệu thống kê. Việc cập nhật bản đồ, mốc, tuyến địa giới và dữ liệu không gian trên phần mềm được thực hiện khi bản đồ nền, dữ liệu không gian địa giới hành chính chuẩn được tích hợp; trong thời gian chưa tích hợp, ghi nhận thông tin hồ sơ và văn bản pháp lý về địa giới hành chính.

c) Dân số thường trú, tạm trú, đô thị, nông thôn và tỷ lệ đô thị hóa là các chỉ tiêu khác nhau; ghi rõ nguồn, kỳ tham chiếu, đơn vị tính, phạm vi địa giới. Không cộng các nhóm chỉ tiêu có thể giao thoa để tính tổng dân số; chỉ tự động tính khi đủ dữ liệu đồng nhất về định nghĩa và thời điểm.

d) Diện tích dùng đơn vị, độ chính xác và quy tắc nhập số thống nhất; hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, cảnh báo chênh lệch giữa tổng và thành phần, cho phép ghi nhận giải trình theo nguồn.

8. Dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn

a) Dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân được tổng hợp theo đơn vị hành chính, cấp Hội đồng nhân dân và nhiệm kỳ; dữ liệu lãnh đạo được tổng hợp theo đơn vị hành chính, cơ quan, chức danh và kỳ báo cáo theo Danh mục. Phân biệt tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân, chức vụ trong Hội đồng nhân dân, chức vụ công tác và tư cách thành viên Ủy ban nhân dân; người đồng thời đảm nhiệm nhiều vai trò được tính đúng theo từng nhóm chỉ tiêu, không tính trùng trong cùng một chỉ tiêu.

b) Thông tin chức vụ (cơ quan, cấp, chức danh, thời gian bắt đầu, kết thúc và căn cứ) được ghi nhận làm cơ sở tổng hợp. Chế độ hoạt động chuyên trách, không chuyên trách được ghi nhận riêng với thuộc tính đồng thời đảm nhiệm chức danh khác; không mặc định đánh dấu cả hai hoặc suy ra hai biên chế.

c) Danh mục cơ quan, chức vụ được lọc theo cấp, loại cơ quan và phạm vi nhóm dữ liệu; không thu thập lãnh đạo đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, công an, quân sự vào nhóm lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân nếu không thuộc phạm vi Danh mục. Danh mục cơ quan, đơn vị được chuẩn hóa theo cấp, loại cơ quan và sử dụng thống nhất mã với Cơ sở dữ liệu về tổ chức bộ máy; trường hợp mã khác nhau phải có bảng ánh xạ, không ghi đè mã gốc. Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã được ghi nhận theo tư cách thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. Danh sách các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không bao gồm Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Chức danh phát sinh theo thực tế chưa có trong danh mục được Vụ Chính quyền địa phương tổng hợp, xác nhận trước khi bổ sung vào danh mục dùng chung.

d) Cơ cấu đại biểu về dân tộc, giới tính, đảng viên, tôn giáo, độ tuổi, trình độ và thành phần được ghi nhận theo thực tế; không mặc định chọn đồng loạt. Tổng số đại biểu là số đại biểu của Hội đồng nhân dân cấp tương ứng trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu chỉ tính một lần; tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không bao gồm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; các chỉ tiêu cơ cấu được thống kê riêng, không cộng để tính tổng.

9. Dữ liệu thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Danh mục thôn, tổ dân phố được tạo lập, cập nhật theo đơn vị hành chính cấp xã trước hoặc ngay trong quá trình nhập thông tin người hoạt động không chuyên trách; danh sách thôn, tổ dân phố để lựa chọn được lấy theo đơn vị hành chính cấp xã đã chọn; trường hợp xã chưa có danh mục, hệ thống cảnh báo và danh mục phải được bổ sung, kiểm tra, phê duyệt theo quy trình.

b) Ghi nhận loại hình và tên gọi chính thức theo hồ sơ địa phương, gồm thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu và tên gọi hợp pháp khác; không mặc định mọi đơn vị thuộc phường đều có cùng tên gọi.

c) Mã kỹ thuật do hệ thống cấp phải duy nhất, có khả năng ánh xạ với mã chính thức; địa phương không tự đặt mã định danh chính thức khi chưa có quy định. Mã do địa phương đã sử dụng được lưu làm mã tham chiếu; khi bộ mã thôn, tổ dân phố chính thức được công bố, hệ thống ánh xạ, chuyển đổi mã mà không làm mất liên kết dữ liệu.

d) Số liệu người hoạt động không chuyên trách được tổng hợp theo từng thôn, tổ dân phố; người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức danh chỉ tính một lần trong tổng số người.

10. Chuẩn hóa, nhập tệp, chống trùng và xử lý sai lệch

a) Dữ liệu phải được kiểm tra tính đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất và dùng chung trước khi phê duyệt; các trường thông tin dân tộc (theo Danh mục các dân tộc Việt Nam), trình độ học vấn, ngoại ngữ, tin học và chức danh sử dụng giá trị trong danh mục dùng chung, không ép chọn giá trị sai.

b) Dữ liệu nhập từ tệp phải được kiểm tra mẫu, định dạng, trường bắt buộc, mã và khóa định danh trước khi ghi; lỗi được thông báo cụ thể để chỉnh sửa; nhập lại theo khóa định danh là cập nhật, không tạo bản ghi mới. Dữ liệu được xuất ra tệp theo mẫu hiện hành để địa phương rà soát, chỉnh sửa.

c) Không ghi trùng dữ liệu do thao tác lưu, phê duyệt hoặc gửi yêu cầu lặp; bản ghi trùng hiện hữu được hợp nhất theo thẩm quyền, giữ lịch sử và liên kết.

d) Khi phát hiện sai lệch, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập yêu cầu chỉnh sửa, nêu nguyên nhân, nguồn đối chiếu; bản ghi được sửa theo quy trình tại khoản 6 Quy trình này; cơ quan, đơn vị khai thác không tự ý điều chỉnh dữ liệu gốc.

11. Theo dõi tiến độ, chất lượng dữ liệu và báo cáo

a) Hệ thống theo dõi tiến độ theo tỉnh, xã, nhóm dữ liệu và trạng thái xử lý dữ liệu; thống kê bản ghi thiếu, lỗi, trùng, quá hạn và đã đồng bộ; trích xuất danh sách đơn vị chưa cập nhật, bản ghi thiếu, lỗi, chờ phê duyệt phục vụ đôn đốc; không đồng nhất số đã nhập với số đã phê duyệt.

b) Báo cáo có mốc thời gian, phạm vi, định nghĩa chỉ tiêu và nguồn; các nhóm thống kê có thể giao thoa phải tách riêng, không cộng trùng.

12. Chuyển tiếp

a) Dữ liệu đã nhập trước khi Quy trình này có hiệu lực được rà soát, đối chiếu, làm sạch, gắn mã, bổ sung thông tin còn thiếu và xác nhận lại khi cần thiết; không yêu cầu địa phương nhập lại toàn bộ dữ liệu đã có nếu có thể kế thừa hợp lệ.

b) Những trường hợp chưa có mã, danh mục hoặc quy định nghiệp vụ rõ ràng được ghi nhận để cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn; không tự ý mở rộng phạm vi đối tượng hoặc sửa đổi cấu trúc dữ liệu đã ban hành.

MỤC III
KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

13. Nguyên tắc và phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu

a) Dữ liệu được kết nối, chia sẻ và khai thác theo đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật.

b) Bảo đảm dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; một dữ liệu chỉ có một nguồn tạo lập; sử dụng thống nhất mã định danh, bảng mã, kiểu dữ liệu và cấu trúc dữ liệu theo Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Nội vụ.

c) Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính là cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nội vụ, là nguồn tạo lập và quản lý dữ liệu gốc về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và tính pháp lý của dữ liệu.

d) Việc chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác chỉ thực hiện bằng dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API) qua các nền tảng sau:

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ (LGSP), áp dụng đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Nội vụ;

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia (VDXP), Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP), áp dụng đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

đ) Không thiết lập kết nối điểm - điểm trực tiếp vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính; không cung cấp dữ liệu thông qua kho dữ liệu trung gian; trường hợp nhập dữ liệu ban đầu, chuyển đổi hoặc khắc phục sự cố bằng tệp phải tuân thủ quy trình kiểm tra, phê duyệt, nhật ký và không thay thế phương thức chia sẻ dữ liệu chính thức.

e) Các dịch vụ chia sẻ dữ liệu chỉ cung cấp chức năng khai thác dữ liệu; cơ quan, đơn vị khai thác không được tạo mới, cập nhật, sửa đổi hoặc xóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính thông qua kết nối.

g) Dữ liệu phát sinh mới, thay đổi hoặc hủy được ghi nhận sự kiện và phiên bản dữ liệu theo điểm c khoản 3 Quy trình này; hệ thống khai thác thực hiện đồng bộ theo thời gian cập nhật và phiên bản dữ liệu với tần suất được thống nhất giữa các bên.

h) Đối với hệ thống thông tin chưa đáp ứng điều kiện kết nối trực tuyến, cơ quan, đơn vị chủ quản hệ thống có trách nhiệm xây dựng phương án, lộ trình và thời hạn hoàn thành việc kết nối, đồng bộ tự động.

i) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các quy định về bảo mật trong toàn bộ quá trình kết nối, truyền nhận, lưu trữ và khai thác dữ liệu.

14. Quản lý chất lượng dữ liệu chia sẻ

a) Dữ liệu chia sẻ được gắn thông tin nguồn dữ liệu, sự kiện, phiên bản, thời điểm hiệu lực và thời điểm cập nhật theo cấu trúc bản tin tại Phụ lục kèm theo Quy trình này. Thông tin về cơ quan tạo lập, cơ quan phê duyệt, cơ quan điều chỉnh và lịch sử biến động của dữ liệu được lưu tại Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính và cung cấp khi có yêu cầu đối soát.

b) Dữ liệu chỉ được đưa vào chia sẻ sau khi đã được kiểm tra, chuẩn hóa, phê duyệt theo danh mục dùng chung và quy định kỹ thuật; phân quyền khai thác theo đối tượng sử dụng, nhóm trường và mức độ bảo vệ dữ liệu.

c) Trường hợp phát hiện dữ liệu không chính xác, không đầy đủ hoặc sai lệch, cơ quan, đơn vị khai thác thông báo cho Bộ Nội vụ (qua Vụ Chính quyền địa phương) để hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền ở địa phương kiểm tra, điều chỉnh theo quy trình tại khoản 6 Quy trình này; trường hợp lỗi kết nối, truyền nhận dữ liệu, thông báo cho Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để xử lý.

15. Khai thác và sử dụng dữ liệu

a) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính được khai thác, sử dụng phục vụ:

- Kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia để tự động điền, xác thực, tái sử dụng dữ liệu; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- Quản lý nhà nước về tổ chức chính quyền địa phương, đơn vị hành chính và địa giới hành chính; cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị công;

- Giám sát, phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển quốc gia;

- Hỗ trợ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền;

- Tạo lập, chuẩn hóa, đồng bộ các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương;

- Cung cấp thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xã hội số;

- Các mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

b) Việc khai thác dữ liệu phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị và phạm vi quyền khai thác được cấp.

c) Cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản khai thác dữ liệu trên giao diện phần mềm theo phân quyền; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khai thác dữ liệu theo phương thức quy định tại điểm d khoản 13 Quy trình này.

d) Việc khai thác dữ liệu phải được xác thực, phân quyền và ghi nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết.

đ) Việc cung cấp dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thông qua công bố dữ liệu mở theo quy định của Luật Dữ liệu và danh mục dữ liệu mở được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ công bố số liệu tổng hợp, không công bố thông tin cá nhân, hồ sơ, bản đồ, mốc, tuyến địa giới hành chính và dữ liệu có mức độ bảo mật không công khai.

16. Kết nối với hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương

a) Việc kết nối qua API, đồng bộ sự kiện và phiên bản thực hiện theo đặc tả tại Phụ lục kèm theo Quy trình này; phân biệt kết nối thử nghiệm với vận hành, đồng bộ chính thức.

b) Việc đối soát với nguồn dữ liệu có thẩm quyền được thực hiện khi có căn cứ pháp lý, điều kiện kỹ thuật và quyền truy cập; không mặc định dữ liệu đã được xác thực chỉ vì có trường số định danh cá nhân.

c) Trường hợp kết nối lỗi, dữ liệu không hợp lệ hoặc thiếu quyền khai thác phải được thông báo, lưu vết, xử lý và đồng bộ lại theo quy trình.

d) Địa phương có nhu cầu khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý để đồng bộ vào hệ thống thông tin của tỉnh có văn bản đề nghị gửi Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin). Việc kết nối thực hiện qua NDXP, VDXP hoặc NDOP theo điểm d khoản 13 Quy trình này; thông tin xác thực do đơn vị quản lý nền tảng cấp. Trung tâm Công nghệ thông tin đăng ký dịch vụ, cung cấp tài liệu API, giới hạn danh mục trường được chia sẻ theo phạm vi được Vụ Chính quyền địa phương thống nhất, ghi nhật ký truy cập và phối hợp kiểm thử kết nối.

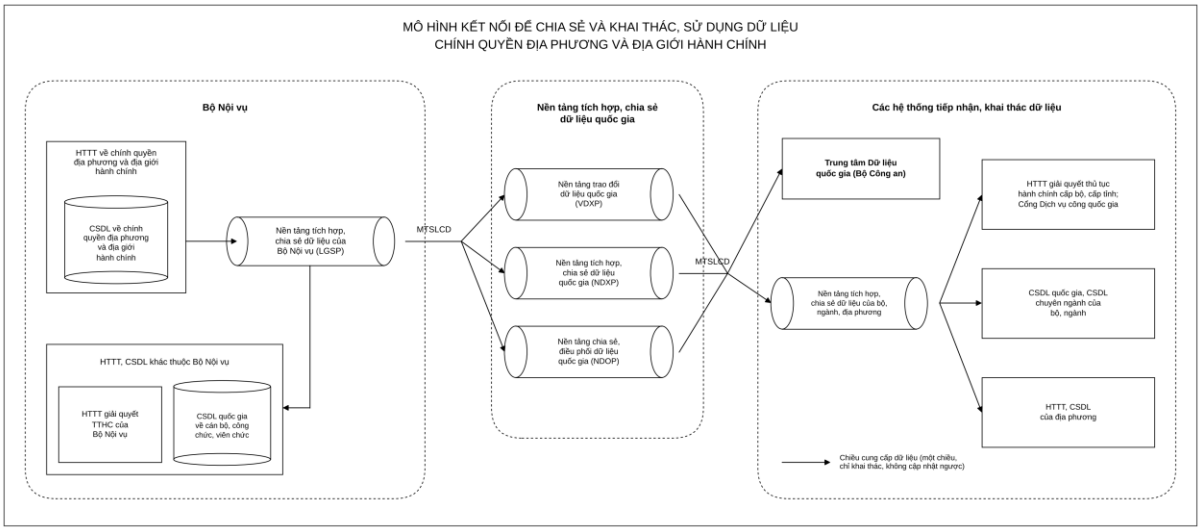
17. Mô hình kết nối

a) Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính là cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nội vụ theo Danh mục cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ, do Vụ Chính quyền địa phương chủ trì quản lý nghiệp vụ, là nguồn tạo lập và quản lý dữ liệu gốc về đơn vị hành chính và địa giới hành chính; đại biểu Hội đồng nhân dân; lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân; thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Dữ liệu thuộc nhóm mặc định chia sẻ là số liệu tổng hợp theo cấu trúc bản tin tại Phụ lục kèm theo Quy trình này; hồ sơ, bản đồ, mốc, tuyến địa giới hành chính, thông tin cá nhân và các trường thông tin có mức độ bảo mật không công khai không thuộc nhóm mặc định chia sẻ.

b) Các dịch vụ chia sẻ dữ liệu được tích hợp, cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ (LGSP) và các nền tảng NDXP, VDXP, NDOP; chỉ cung cấp chức năng khai thác dữ liệu, không tiếp nhận, cập nhật dữ liệu từ hệ thống bên ngoài vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu được cung cấp một chiều từ Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính đến Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các hệ thống khai thác.

c) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Nội vụ kết nối qua LGSP; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương kết nối qua NDXP, VDXP hoặc NDOP.

d) Toàn bộ kết nối được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước, bảo đảm an toàn, bảo mật theo giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ; tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, Khung kiến trúc dữ liệu Bộ Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 664/QĐ-BNV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ.



Hình 1: Mô hình kết nối để chia sẻ và khai thác, sử dụng dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính

18. Điều kiện kết nối

a) Yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin: Các hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu từ cấp độ 3 trở lên, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin: Trước khi kết nối hoặc khi điều chỉnh, thay đổi thiết kế hệ thống thông tin đã kết nối, cơ quan, tổ chức chủ quản phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin theo quy định của Luật An ninh mạng và văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp hệ thống thông tin đã kết nối với Nền tảng định danh và xác thực điện tử hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và không thay đổi thiết kế, cấu hình hệ thống thì được kế thừa kết quả kiểm tra, đánh giá gần nhất, trừ trường hợp có yêu cầu đặc thù hoặc phát hiện nguy cơ mất an toàn thông tin.

c) Bảo mật dữ liệu chia sẻ: Dữ liệu cung cấp từ Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính được truyền qua kênh truyền được mã hóa; hệ thống khai thác phải được xác thực bằng token do nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp và chỉ được truy cập các dịch vụ trong phạm vi được phân quyền; mọi giao dịch khai thác được ghi nhật ký. Khóa, token và thông tin xác thực được cấp phải được quản lý, bảo mật theo quy định; khi phát hiện lộ lọt, cơ quan, đơn vị khai thác thông báo ngay cho Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để thu hồi, cấp lại.

19. Đặc tả dịch vụ chia sẻ dữ liệu

Danh sách, đặc tả đầu vào, đầu ra, cấu trúc bản tin và thông tin kết nối của 07 dịch vụ chia sẻ dữ liệu được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy trình này. Khi có thay đổi về dịch vụ hoặc cấu trúc bản tin, Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Chính quyền địa phương rà soát, bảo đảm thống nhất với Danh mục, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

MỤC IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

20. Trách nhiệm của Vụ Chính quyền địa phương

a) Chủ trì quản lý nghiệp vụ đối với dữ liệu; hướng dẫn nghiệp vụ và phối hợp xử lý nội dung chưa rõ phạm vi, đối tượng, chỉ tiêu.

b) Thống nhất phạm vi, đối tượng được cấp tài khoản, phân quyền sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính; xác định phạm vi dữ liệu được chia sẻ và đối tượng được khai thác.

c) Hướng dẫn, đôn đốc cơ quan có thẩm quyền ở địa phương kiểm tra, điều chỉnh dữ liệu gốc khi có phản ánh dữ liệu sai lệch; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin xử lý các trường hợp dữ liệu sai lệch, thiếu, trùng lặp hoặc không đồng bộ được.

d) Tổng hợp nội dung phát sinh ngoài Danh mục; chủ trì đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục, Quy trình khi cần thiết; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Bộ trưởng.

21. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin

a) Chủ trì quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật của Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính theo phân công.

b) Hướng dẫn kỹ thuật, tiếp nhận yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Nội vụ và của các bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính; đăng ký, công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

c) Kiểm tra, giám sát việc truyền, nhận, đồng bộ và khai thác dữ liệu; phối hợp đối soát, xử lý dữ liệu lỗi, dữ liệu không hợp lệ.

d) Thực hiện cấp, quản lý tài khoản, phân quyền sử dụng, khai thác theo phạm vi, đối tượng được Vụ Chính quyền địa phương thống nhất; quản lý nhật ký khai thác và các thông tin phục vụ quản trị hệ thống.

đ) Phối hợp với đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật tổ chức tập huấn; duy trì tài liệu hướng dẫn sử dụng, kênh tiếp nhận và xử lý sự cố, hỗ trợ tài khoản; bảo đảm hiệu năng, tính ổn định của hệ thống khi nhiều địa phương truy cập đồng thời.

e) Cập nhật, nâng cấp các chức năng của phần mềm Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính phù hợp với Quy trình này và thông báo cho các cơ quan, đơn vị sử dụng; việc cập nhật, nâng cấp phải bảo đảm kế thừa dữ liệu đã có, không phát sinh bản ghi trùng, không làm gián đoạn việc cập nhật, khai thác dữ liệu.

g) Chủ trì cập nhật, điều chỉnh hướng dẫn kỹ thuật khi có thay đổi về kiến trúc, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu quản lý.

22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo, phân công Sở Nội vụ làm đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tiến độ tạo lập, cập nhật dữ liệu trên địa bàn; phân công cơ quan, người tạo lập, kiểm tra, phê duyệt dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với dữ liệu thuộc Hội đồng nhân dân.

b) Chỉ đạo Sở Nội vụ rà soát dữ liệu do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ (qua Vụ Chính quyền địa phương).

c) Bảo đảm điều kiện về nhân lực, hạ tầng để thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

23. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã

Phân công đầu mối tạo lập, cập nhật, rà soát, phê duyệt dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong quá trình chuẩn hóa, tổng hợp dữ liệu.

24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tạo lập, cập nhật dữ liệu đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi tạo lập của cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Danh mục; kiểm tra, xác nhận dữ liệu trước khi chuyển Sở Nội vụ rà soát; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật.

25. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu

a) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền; không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng lại dữ liệu trái quy định.

b) Bảo đảm an toàn tài khoản, thông tin xác thực và các thông tin được cung cấp; chịu trách nhiệm về việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định.

26. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện, vướng mắc về nghiệp vụ, phạm vi, chất lượng dữ liệu được phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Vụ Chính quyền địa phương); vướng mắc về kỹ thuật, kết nối, tài khoản được phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin). Vụ Chính quyền địa phương chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin phân loại, hướng dẫn, cập nhật tài liệu; trường hợp vượt thẩm quyền, tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Phụ lục
ĐẶC TẢ CÁC DỊCH VỤ CHIA SẺ DỮ LIỆU CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

1. Danh sách dịch vụ dữ liệu

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Mô tả
1	Dịch vụ lấy Token	cqdp_token	Khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc với các dịch vụ dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Token được sử dụng cho tất cả các dịch vụ còn lại.
2	Khai thác dữ liệu địa giới hành chính	cqdp_dghc_01	Cung cấp dữ liệu đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã: thông tin nhận dạng, hiện trạng (số đơn vị trực thuộc, diện tích, dân số), kết quả phân loại, yếu tố đặc thù, thông tin bản đồ và địa giới hành chính. Mỗi bản tin là thông tin của 01 đơn vị hành chính.
3	Khai thác dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân	cqdp_dbhdnd_01	Cung cấp dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo nhiệm kỳ: cơ cấu, chất lượng (giới tính, độ tuổi, trình độ, dân tộc, tôn giáo...) và thành phần đại biểu.
4	Khai thác dữ liệu lãnh đạo HĐND, UBND và cơ quan chuyên môn	cqdp_lanhdao_01	Cung cấp dữ liệu lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã: chức danh, cơ cấu và chất lượng đội ngũ lãnh đạo.
5	Khai thác dữ liệu thôn, tổ dân phố	cqdp_ttdp_01	Cung cấp dữ liệu thôn, tổ dân phố: thông tin nhận dạng, đơn vị hành chính quản lý, địa chỉ, số hộ gia đình, quy mô dân số, trường hợp đặc thù và thông tin pháp lý thành lập. Mỗi bản tin là thông tin của 01 thôn, tổ dân phố.
6	Khai thác dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	cqdp_nkct_01	Cung cấp dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: số lượng, cơ cấu và chất lượng (giới tính, độ tuổi, trình độ...) theo từng thôn, tổ dân phố.
7	Khai thác dữ liệu danh mục	cqdp_dm_01	Cung cấp giá trị các danh mục dùng chung sử dụng trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính (đơn vị hành chính các cấp, phân loại đơn vị hành chính, tình trạng hoạt động, loại cơ quan, chức danh lãnh đạo, loại hình thôn, tổ dân phố...). Mỗi bản tin là 01 bản ghi giá trị danh mục.

2. Chi tiết các dịch vụ dữ liệu

Địa chỉ kết nối của các API dưới đây được ghi dưới dạng {{base_url}}, là địa chỉ của trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu mà hệ thống khai thác kết nối (NDXP, VDXP, NDOP hoặc LGSP), do đơn vị quản lý trục cung cấp khi cấp quyền kết nối. Nội dung bản tin, cấu trúc dữ liệu và cách xử lý kết quả là thống nhất trên các trục; đơn vị chỉ cần thay {{base_url}} và cách lấy token theo hướng dẫn của từng trục.

2.1. Dịch vụ lấy Token (cqdp_token)

- Mục đích: Dịch vụ tạo token của trục kết nối khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc thông qua token này. Token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các dịch vụ dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính nêu tại mục 1 Phụ lục này.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	grant_type	String	x	Nhận giá trị cố định: client_credentials

- Đặc tả đầu ra API

TT	Tên trường	Định dạng	Mô tả
1	access_token	String	Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc
2	scope	String	Phạm vi sử dụng của token
3	token_type	String	Kiểu token
4	expires_in	Number	Thời gian token có hiệu lực (giây)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	**{{base_url}}/token**
Request header	***Method***	POST
	Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
	Authorization	Basic Base64(consumer-key:consumer-secret) (cặp khóa consumer-key và consumer-secret do đơn vị quản lý trục cung cấp cho mỗi hệ thống thông tin)
Request Body	***Body***	grant_type=client_credentials
Response Body	***200 OK***	{"access_token": "d32ed548-e44c-350c-b047-c10f829064fb", "scope": "am_application_scope default", "token_type": "Bearer", "expires_in": 3600}

2.2. API khai thác dữ liệu địa giới hành chính (cqdp_dghc_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu địa giới hành chính trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu gồm thông tin nhận dạng, hiện trạng, kết quả phân loại, yếu tố đặc thù và thông tin bản đồ, địa giới của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maDVHC	String		Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh (2 ký tự) hoặc cấp xã (5 ký tự) theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg. Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu của 01 đơn vị hành chính
2	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
3	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
5	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maDVHC	String	x		Mã đơn vị hành chính (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: dulieudiagioihanhchinh
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu địa giới hành chính (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thẻ tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	**Root**			x		Phần mô tả
1.	**NguonDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: dulieudiagioihanhchinh
2.	**TrangThaiDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị hành chính;

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	**MoTa**	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (2^31)-1
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.	**DuLieuChiaSe**	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin của 01 đơn vị hành chính. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	**TTNhanDangDVHC**	Object		x		Thông tin nhận dạng đơn vị hành chính
3.2.1	MaDVHC	String	5	x		Khoá nghiệp vụ Mã định danh duy nhất của đơn vị hành chính (Mã xã hoặc mã tỉnh) - Mã xã, phường, đặc khu theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg - Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
3.2.2	TenDVHC	String	255	x		Tên chính thức của đơn vị hành chính
3.2.3	TenVietTat	String	100			Tên viết tắt của đơn vị hành chính (nếu có)
3.2.4	CapDVHC	String	1	x		Cấp tỉnh hoặc cấp xã Danh mục Đơn vị hành chính các cấp 1 - Cấp tỉnh 2 - Cấp xã
3.2.5	LoaiDVHCT	String	1	x		Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Danh mục Phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh 1 – Tỉnh 2 – Thành phố trực thuộc Trung ương
3.2.6	LoaiDVHCX	String	1	x		Xã, phường hoặc đặc khu Danh mục Phân loại đơn vị hành chính cấp xã 1 – Xã 2 – Phường 3 – Đặc khu

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.2.7	DVHCCapTren	String	2			Đơn vị hành chính cấp trên trực tiếp (Bắt buộc nếu MaDVHC là cấp xã, và truyền Danh mục cấp tỉnh Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg)
3.2.8	TinhTrangHD	String	1	x		Đang hoạt động, giải thể, sáp nhập... Danh mục Tình trạng hoạt động đơn vị hành chính
3.3	**TTHienTrangDVHC**	Object		x		Thông tin hiện trạng đơn vị hành chính
3.3.1	TongSoDVHC	Number	4	x		Tổng số đơn vị hành chính trực thuộc - Nếu là cấp tỉnh: số đơn vị trực thuộc = Số xã trực thuộc + Số phường trực thuộc + Số đặc khu trực thuộc - Nếu là cấp xã: số đơn vị trực thuộc = 0 Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.3.2	SoXaTT	Number	3	x		Số xã trực thuộc (đối với cấp tỉnh) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 999
3.3.3	SoPhuongTT	Number	3	x		Số phường trực thuộc (đối với cấp tỉnh) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 999
3.3.4	SoDacKhuTT	Number	2	x		Số đặc khu trực thuộc (đối với cấp tỉnh) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 99
3.3.5	DienTichTuNhien	Number	10	x		Diện tích tự nhiên (Đơn vị: km²) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 99999.999
3.3.6	QuyMoDanSo	Number	8	x		Quy mô dân số của đơn vị hành chính (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.7	DanSoThuongTru	Number	8	x		Dân số thường trú (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8	DanSoTamTru	Number	8			Dân số tạm trú (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9	DanSoNongThon	Number	8			Dân số khu vực nông thôn (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10	DanSoDTTS	Number	8			Dân số là người dân tộc thiểu số (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11	MatDoDanSo	Number	8			Mật độ dân số (Đơn vị: Người/km2) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999.999
3.3.12	TyLeDoThiHoa	Number	7			Tỷ lệ đô thị hoá (Đơn vị: %) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 100.000
3.4	**KQPhanLoaiDVHC**	Object				Kết quả phân loại đơn vị hành chính
3.4.1	PhanLoaiDVHC	String	2			Kết quả phân loại đơn vị hành chính Loại đặc biệt, I, II, III Danh mục Kết quả phân loại đơn vị hành chính
3.4.2	NgayCongNhan	String	10			Ngày công nhận phân loại Định dạng: YYYY-MM-DD
3.4.3	SoQDPhanLoai	String	100			Số, ký hiệu quyết định công nhận phân loại
3.4.4	CoQuanBanHanh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định phân loại
3.5	**TTYeuToDacThuDVHC**	Object				Thông tin yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính
3.5.1	MienNui	Boolean				Thuộc khu vực miền núi 0 - Không 1 - Có
3.5.2	HaiDao	Boolean				Đơn vị hành chính hải đảo 0 - Không 1 - Có

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.5.3	XaDao	Boolean				Xác định xã đảo 0 - Không 1 - Có
3.5.4	BienGioiDatLien	Boolean				Có biên giới đất liền 0 - Không 1 - Có
3.5.5	BienGioiBien	Boolean				Có biên giới biển 0 - Không 1 - Có
3.5.6	AnToanKhu	Boolean				An toàn khu 0 - Không 1 - Có
3.5.7	TTDuLichQG	Boolean				Là trung tâm du lịch quốc gia theo quy hoạch, định hướng được cấp có thẩm quyền phê duyệt 0 - Không 1 - Có
3.5.8	TTDuLichQT	Boolean				Là trung tâm du lịch quốc tế theo quy hoạch, định hướng được cấp có thẩm quyền phê duyệt 0 - Không 1 - Có
3.5.9	TrungTamTongHop	Boolean				Là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia, cấp vùng hoặc cấp tỉnh theo quy hoạch, định hướng được cấp có thẩm quyền phê duyệt 0 - Không 1 - Có
3.5.10	TrungTamChuyenNganh	Boolean				Là trung tâm chuyên ngành theo quy hoạch, định hướng được cấp có thẩm quyền phê duyệt 0 - Không 1 - Có
3.5.11	DiTichQGDB	Boolean				Có di tích quốc gia đặc biệt 0 - Không 1 - Có
3.5.12	DiSanUNESCO	Boolean				Có di sản được UNESCO công nhận 0 - Không 1 - Có

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.6	**TTBanDoVaDGHC**	Object				Thông tin bản đồ và địa giới hành chính
3.6.1	LichSuBienDong	String	4000			Thông tin biến động địa giới qua các thời kỳ
3.6.2	MoTaChung	String	2000			Thông tin mô tả chung về địa giới hành chính
3.6.3	ThuyHe	String	2000			Thông tin sông, hồ, kênh, rạch
3.6.4	SonVan	String	1000			Thông tin địa hình, núi, đồi

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	{{base_url}}/apiCQDP/1.0/api/v1/dulieudiagioihanhchinh
Request header	**Method**	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ cqdp_token)
Request	**Tham số**	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng

Response Body	**Thành công**	{
		"code": 200,
		"message": "Thành công!",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00",
		"data": {
		"content": [
		{
		"idBanGhi": "G09-dulieudiagioihanhchinh-000001",
		"maDVHC": "01",
		"maLoaiDuLieu": "dulieudiagioihanhchinh",
		"suKien": "UPDATE",
		"phienBan": 2,
		"thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00",
		"duLieu":
		"PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..."
		}
		],
		"pageNumber": 0,
		"pageSize": 20,
		"totalElements": 1,
		"totalPages": 1
		}
		}

	Không thành công	{
		"code": 400,
		"message": "Mô tả lỗi tham số khai thác",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00"
		}

Ví dụ bản tin	**duLieu (sau giải mã)**	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>dulieudiagioihanhchinh</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> > </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-dulieudiagioihanhchinh-000001</IdBanGhi> <TTNhanDangDVHC> <MaDVHC>01</MaDVHC> <TenDVHC>Tỉnh A</TenDVHC> <CapDVHC>1</CapDVHC> <LoaiDVHCT>1</LoaiDVHCT> ... </TTNhanDangDVHC> <TTHienTrangDVHC> <TongSoDVHC>95</TongSoDVHC> ... </TTHienTrangDVHC> </DuLieuChiaSe> </Root>

2.3. API khai thác dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân (cqdp_dbhdnd_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu gồm thông tin nhận dạng (đơn vị hành chính, cấp Hội đồng nhân dân, nhiệm kỳ), cơ cấu, chất lượng và thành phần đại biểu Hội đồng nhân dân theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maDVHC	String		Mã đơn vị hành chính. Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính đó
2	nhiemKy	String		Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, ví dụ: 2026-2031
3	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
4	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
5	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
6	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maDVHC	String	x		Mã đơn vị hành chính (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: daibieuhdnd
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thẻ tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	**Root**			x		Phần mô tả
1.	**NguonDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: daibieuhdnd
2.	**TrangThaiDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị hành chính; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	**MoTa**	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (2^31)-1
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	**DuLieuChiaSe**	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin cơ cấu, chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của 01 đơn vị hành chính theo nhiệm kỳ. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	**TTNhanDangDaiBieu**	Object		x		Thông tin nhận dạng đại biểu
3.2.1	MaDVHC	String	5	x		Khoá nghiệp vụ Mã định danh duy nhất của đơn vị hành chính (Mã xã hoặc mã tỉnh) - Mã xã, phường, đặc khu theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg - Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
3.2.2	TenDVHC	String	200	x		Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3.2.3	CapHDND	String	1	x		Cấp Hội đồng nhân dân, cấp tỉnh hoặc cấp xã Danh mục Đơn vị hành chính các cấp 1 - Cấp tỉnh 2 - Cấp xã
3.2.4	NhiemKy	String	9	x		Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, cấp tỉnh hoặc cấp xã VD: giá trị là 2026-2031
3.3	**TTCoCauChatLuong**	Object		x		Thông tin cơ cấu và chất lượng
3.3.1	TongSo	Number	8	x		Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng trong nhiệm kỳ (Đơn vị: Người); tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không bao gồm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Giá trị nhỏ nhất: 0; Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.2	SoNu	Number	8	x		Số đại biểu nữ (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.3	TyLeNu	Number	7			Tỷ lệ đại biểu nữ (Đơn vị: %) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 100.000
3.3.4	ChuyenTrach	Number	8			Số đại biểu hoạt động chuyên trách (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.5	DangVien	Number	8			Số đại biểu là đảng viên (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.6	DanTocThieuSo	Number	8			Số đại biểu là người dân tộc thiểu số (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.7	TonGiao	Number	8			Số đại biểu có tôn giáo (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8	**DoTuoi**	Object				Số lượng đại biểu phân theo độ tuổi
3.3.8.1	TuoiDuoi35	Number	8			Dưới 35 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8.2	Tuoi35Den50	Number	8			Từ 35 đến 50 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8.3	TuoiTren50	Number	8			Trên 50 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9	**TrinhDoVanHoa**	Object				Số lượng đại biểu phân theo trình độ văn hoá
3.3.9.1	VH_TieuHoc	Number	8			Số đại biểu trình độ Tiểu học (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9.2	VH_THCS	Number	8			Số đại biểu trình độ THCS (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9.3	VH_THPT	Number	8			Số đại biểu trình độ THPT (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10	**TrinhDoChuyenMon**	Object				Số lượng đại biểu phân theo trình độ chuyên môn
3.3.10.1	CM_TrungCap	Number	8			Trình độ chuyên môn Trung cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.10.2	CM_CaoDang	Number	8			Trình độ chuyên môn Cao đẳng (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10.3	CM_DaiHoc	Number	8			Trình độ chuyên môn Đại học (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10.4	CM_SauDH	Number	8			Trình độ chuyên môn sau Đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11	**LyLuanChinhTri**	Object				Số lượng đại biểu phân theo trình độ lý luận chính trị
3.3.11.1	LLCT_TrungCap	Number	8			Lý luận chính trị Trung cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11.2	LLCT_CuNhan	Number	8			Lý luận chính trị Cử nhân (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11.3	LLCT_CaoCap	Number	8			Lý luận chính trị Cao cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4	**TTThanhPhanDaiBieu**	Object				Thông tin thành phần đại biểu
3.4.1	**CoQuanCongTac**	Object				Số lượng đại biểu phân theo khối cơ quan, đơn vị đang công tác
3.4.1.1	CQ_Dang	Number	8			Đại biểu thuộc cơ quan Đảng (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4.1.2	CQ_ChinhQuyen	Number	8			Đại biểu thuộc cơ quan chính quyền (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4.1.3	CQ_MTTQ	Number	8			Đại biểu thuộc MTTQ, đoàn thể (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4.1.4	CQ_TAND	Number	8			Đại biểu thuộc TAND (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.4.1.5	CQ_VKSND	Number	8			Đại biểu thuộc VKSND (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4.1.6	CQ_QuocPhong	Number	8			Đại biểu thuộc Quân đội nhân dân (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4.1.7	CQ_CongAn	Number	8			Đại biểu thuộc Công an nhân dân (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.4.1.8	ThanhPhanKhac	Number	8			Đại biểu thuộc thành phần khác (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	{{base_url}}/apiCQDP/1.0/api/v1/daibieuhdnd
Request header	**Method**	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ cqdp_token)
Request	**Tham số**	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng

Response Body	**Thành công**	{
		"code": 200,
		"message": "Thành công!",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00",
		"data": {
		"content": [
		{
		"idBanGhi": "G09-daibieuhdnd-000001",
		"maDVHC": "01",
		"maLoaiDuLieu": "daibieuhdnd",
		"suKien": "UPDATE",
		"phienBan": 2,
		"thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00",
		"duLieu":
		"PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..."
		}
		],
		"pageNumber": 0,
		"pageSize": 20,

		"totalElements": 1, "totalPages": 1 } }

	Không thành công	{
		"code": 400,
		"message": "Mô tả lỗi tham số khai thác",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00"
		}

Ví dụ bản tin	**duLieu (sau giải mã)**	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>daibieuhdnd</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-daibieuhdnd-000001</IdBanGhi> <TTNhanDangDaiBieu> <MaDVHC>01</MaDVHC> <TenDVHC>Tỉnh A</TenDVHC> <CapHDND>1</CapHDND> <NhiemKy>2026-2031</NhiemKy> </TTNhanDangDaiBieu> <TTCoCauChatLuong> <TongSo>85</TongSo> <SoNu>30</SoNu> ... </TTCoCauChatLuong> </DuLieuChiaSe> </Root>

2.4. API khai thác dữ liệu lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân (cqdp_lanhdao_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu gồm thông tin nhận dạng (đơn vị hành chính, cấp chính quyền, loại cơ quan, tên cơ quan, chức danh lãnh đạo) và cơ cấu, chất lượng đội ngũ lãnh đạo theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maDVHC	String		Mã đơn vị hành chính. Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu lãnh đạo các cơ quan thuộc đơn vị hành chính đó
2	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
3	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
5	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maDVHC	String	x		Mã đơn vị hành chính (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa mãn điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu lãnh đạo HĐND, UBND và cơ quan chuyên môn (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thẻ tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	**Root**			x		Phần mô tả
1.	**NguonDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon
2.	**TrangThaiDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị hành chính; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
2.3	**MoTa**	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (2^31)-1
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	**DuLieuChiaSe**	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin lãnh đạo của 01 cơ quan (HĐND, UBND, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND). Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	**TTNhanDang**	Object		x		Thông tin nhận dạng
3.2.1	MaDVHC	String	5	x		Khoá nghiệp vụ Mã định danh duy nhất của đơn vị hành chính (Mã xã hoặc mã tỉnh) - Mã xã, phường, đặc khu theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg - Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
3.2.2	TenDVHC	String	200	x		Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3.2.3	CapChinhQuyen	String	1	x		Cấp tỉnh hoặc cấp xã Danh mục Đơn vị hành chính các cấp 1 - Cấp tỉnh 2 - Cấp xã
3.2.4	LoaiCoQuan	String	1	x		HĐND, UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND Danh mục Mã loại cơ quan
3.2.5	TenCoQuan	String	255	x		Tên cơ quan, đơn vị
3.2.6	ChucDanh	String	2	x		Chức danh lãnh đạo Danh mục Chức danh lãnh đạo
3.3	**TTCoCauChatLuong**	Object		x		Thông tin cơ cấu và chất lượng
3.3.1	TongSo	Number	8	x		Tổng số lãnh đạo (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.2	SoNu	Number	8	x		Số lãnh đạo nữ (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.3	TyLeNu	Number	7			Tỷ lệ lãnh đạo nữ (Đơn vị: %) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 100.000
3.3.4	DangVien	Number	8			Số lãnh đạo là đảng viên (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.5	DanToc	Number	8			Số lãnh đạo là người dân tộc thiểu số (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.6	TonGiao	Number	8			Số lãnh đạo có tôn giáo (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.7	KiemNhiem	Number	8			Số lãnh đạo kiêm nhiệm (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8	ChuyenTrach	Number	8			Lãnh đạo chuyên trách (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9	TaiCu	Number	8			Số lãnh đạo tái cử (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10	**DoTuoi**	Object				Số lượng lãnh đạo phân theo độ tuổi
3.3.10.1	TuoiDuoi35	Number	8			Dưới 35 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10.2	Tuoi35Den50	Number	8			Từ 35 đến 50 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10.3	TuoiTren50	Number	8			Trên 50 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11	**TrinhDoVanHoa**	Object				Số lượng lãnh đạo phân theo trình độ văn hoá
3.3.11.1	VH_TieuHoc	Number	8			Số lãnh đạo trình độ Tiểu học (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11.2	VH_THCS	Number	8			Số lãnh đạo trình độ THCS (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.11.3	VH_THPT	Number	8			Số lãnh đạo trình độ THPT (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.12	**TrinhDoChuyenMon**	Object				Số lượng lãnh đạo phân theo trình độ chuyên môn
3.3.12.1	CM_TrungCap	Number	8			Trình độ chuyên môn Trung cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.12.2	CM_CaoDang	Number	8			Trình độ chuyên môn Cao đẳng (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.12.3	CM_DaiHoc	Number	8			Trình độ chuyên môn Đại học (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.12.4	CM_SauDH	Number	8			Trình độ chuyên môn sau Đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.13	**LyLuanChinhTri**	Object				Số lượng lãnh đạo phân theo trình độ lý luận chính trị
3.3.13.1	LLCT_TrungCap	Number	8			Lý luận chính trị Trung cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.13.2	LLCT_CuNhan	Number	8			Lý luận chính trị Cử nhân (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.13.3	LLCT_CaoCap	Number	8			Lý luận chính trị Cao cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	{{base_url}}/apiCQDP/1.0/api/v1/lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon
Request header	**Method**	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ cqdp_token)
Request	**Tham số**	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng

Response Body	**Thành công**	{
		"code": 200,
		"message": "Thành công!",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00",
		"data": {

		"content": [
		{
		"idBanGhi":
		"G09-lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon-000001",
		"maDVHC": "01",
		"maLoaiDuLieu": "lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon",
		"suKien": "UPDATE",
		"phienBan": 2,
		"thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00",
		"duLieu":
		"PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..."
		}
		],
		"pageNumber": 0,
		"pageSize": 20,
		"totalElements": 1,
		"totalPages": 1
		}
		}

	Không thành công	{
		"code": 400,
		"message": "Mô tả lỗi tham số khai thác",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00"
		}

Ví dụ bản tin	**duLieu (sau giải mã)**	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-lanhdaohdndubndcoquanchuyenmon-000001</IdBanGhi> <TTNhanDang> <MaDVHC>01</MaDVHC> <TenDVHC>Tỉnh A</TenDVHC> <CapChinhQuyen>1</CapChinhQuyen> <TenCoQuan>Ủy ban nhân dân tỉnh A</TenCoQuan> ... </TTNhanDang> <TTCoCauChatLuong> ... </TTCoCauChatLuong> </DuLieuChiaSe> </Root>

2.5. API khai thác dữ liệu thôn, tổ dân phố (cqdp_ttdp_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu thôn, tổ dân phố trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu gồm thông tin nhận dạng, thông tin tổ chức và thông tin pháp lý của thôn, tổ dân phố theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maTTDP	Number		Mã thôn, tổ dân phố (khóa nghiệp vụ). Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu của 01 thôn, tổ dân phố
2	maDVHCXa	String		Mã đơn vị hành chính cấp xã. Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu các thôn, tổ dân phố thuộc xã
3	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
5	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
6	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maTTDP	Number	x		Mã thôn, tổ dân phố (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: thontodanpho
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu thôn, tổ dân phố (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thẻ tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	**Root**			x		Phần mô tả
1.	**NguonDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: thontodanpho
2.	**TrangThaiDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị hành chính; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	**MoTa**	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (2^31)-1
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						- Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	**DuLieuChiaSe**	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin của 01 thôn, tổ dân phố. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	**TTNhanDang**	Object		x		Thông tin nhận dạng
3.2.1	TenTTDP	String	255	x		Tên chính thức của thôn, tổ dân phố
3.2.2	MaTTDP	Number	8	x		Mã thôn, tổ dân phố (tăng dần trong CSDL) * Khóa nghiệp vụ Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (10^8) -1
3.2.3	TenGoiTruyenThong	String	255			Tên gọi truyền thống (nếu có)
3.2.4	LoaiHinh	String	2	x		Thôn, làng, ấp, bản, buôn, tổ dân phố, khu phố Danh mục Mã loại hình thôn, tổ dân phố
3.2.5	MaDVHCXa	String	5	x		Mã đơn vị hành chính cấp xã quản lý - Mã xã, phường, đặc khu theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
3.2.6	TenDVHCXa	String	255	x		Tên đơn vị hành chính cấp xã
3.2.7	MaDVHCTinh	String	2	x		Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh - Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.2.8	TenDVHCTinh	String	255	x		Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh theo mã đơn vị hành chính và thời điểm hiệu lực
3.2.9	**DiaChiHanhChinh**	Object				Địa chỉ hành chính của thôn, tổ dân phố
3.2.9.1	DiaChiChiTiet	String	500			Địa chỉ chi tiết
3.2.9.2	MaXa	String	5	x		Mã xã, phường, đặc khu theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
3.2.9.3	MaTinh	String	2	x		Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg.
3.3	**TTToChuc**	Object		x		Thông tin tổ chức
3.3.1	SoHoGiaDinh	Number	8	x		Tổng số hộ gia đình Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.2	QuyMoDanSo	Number	8			Tổng số dân Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.3	TruongHopDacThu	String	2			Miền núi, biên giới, hải đảo, DTTS, tái định cư... Danh mục Trường hợp đặc thù
3.4	**TTPhapLy**	Object		x		Thông tin pháp lý
3.4.1	CoQuanQuyetDinh	String	255	x		HĐND cấp xã hoặc UBND đặc khu
3.4.2	SoKyHieuVanBan	String	100			Số, ký hiệu Nghị quyết hoặc Quyết định
3.4.3	NgayBanHanh	String	10			Ngày ban hành văn bản Định dạng: YYYY-MM-DD
3.4.4	GhiChu	String	1000			Ghi chú

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	{{base_url}}/apiCQDP/1.0/api/v1/thontodanpho
Request header	**Method**	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ cqdp_token)
Request	**Tham số**	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng

Response Body	**Thành công**	{
		"code": 200,
		"message": "Thành công!",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00",
		"data": {
		"content": [
		{
		"idBanGhi": "G09-thontodanpho-001001",
		"maTTDP": 1001,
		"maLoaiDuLieu": "thontodanpho",
		"suKien": "UPDATE",
		"phienBan": 2,
		"thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00",
		"duLieu":
		"PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..."
		}
		],
		"pageNumber": 0,
		"pageSize": 20,
		"totalElements": 1,
		"totalPages": 1
		}
		}

	Không thành công	{
		"code": 400,
		"message": "Mô tả lỗi tham số khai thác",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00"
		}

Ví dụ bản tin	**duLieu (sau giải mã)**	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>thontodanpho</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-thontodanpho-001001</IdBanGhi> <TTNhanDang> <TenTTDP>Thôn 1</TenTTDP> <MaTTDP>1001</MaTTDP>

		<MaDVHCXa>00001</MaDVHCXa> <TenDVHCXa>Xã B</TenDVHCXa> <MaDVHCTinh>01</MaDVHCTinh> <TenDVHCTinh>Tỉnh A</TenDVHCTinh> ... </TTNhanDang> <TTToChuc> <SoHoGiaDinh>320</SoHoGiaDinh> ... </TTToChuc> </DuLieuChiaSe> </Root>

2.6. API khai thác dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (cqdp_nkct_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu gồm thông tin nhận dạng thôn, tổ dân phố và cơ cấu, chất lượng người hoạt động không chuyên trách theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maTTDP	Number		Mã thôn, tổ dân phố (khóa nghiệp vụ). Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu của 01 thôn, tổ dân phố
2	maDVHCXa	String		Mã đơn vị hành chính cấp xã. Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu các thôn, tổ dân phố thuộc xã
3	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
5	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
6	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maTTDP	Number	x		Mã thôn, tổ dân phố (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: nguoikhongchuyentrachthontodanpho
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thẻ tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	**Root**			x		Phần mô tả
1.	**NguonDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: nguoikhongchuyentrachthontodanpho
2.	**TrangThaiDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị hành chính; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	**MoTa**	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (2^31)-1
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	**DuLieuChiaSe**	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin người hoạt động không chuyên trách của 01 thôn, tổ dân phố. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	**TTNhanDang**	Object		x		Thông tin nhận dạng
3.2.1	MaDVHC	String	5	x		* Khóa nghiệp vụ Mã định danh duy nhất của đơn vị hành chính cấp xã - Mã xã, phường, đặc khu theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
3.2.2	TenDVHCXa	String	255	x		Tên xã, phường hoặc đặc khu
3.2.3	TenDVHCTinh	String	255	x		Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3.2.4	MaDVHCTinh	String	2	x		Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh - Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.2.5	MaTTDP	Number	8	x		Mã thôn, tổ dân phố (tăng dần trong CSDL) * Khóa nghiệp vụ Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.2.6	TenTTDP	String	255	x		Tên thôn, tổ dân phố
3.3	**TTCoCauChatLuong**	Object		x		Thông tin cơ cấu và chất lượng
3.3.1	TongSo	Number	8	x		Tổng số người hoạt động không chuyên trách (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.2	SoNu	Number	8	x		Số người là nữ (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.3	DangVien	Number	8			Số người là đảng viên (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.4	DanToc	Number	8			Số người là người dân tộc thiểu số (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.5	TonGiao	Number	8			Số người có tôn giáo (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.6	**DoTuoi**	Object				Số lượng người phân theo độ tuổi
3.3.6.1	TuoiDuoi35	Number	8			Dưới 35 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.6.2	Tuoi35Den50	Number	8			Từ 35 đến 50 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.6.3	TuoiTren50	Number	8			Trên 50 tuổi (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.7	**TrinhDoVanHoa**	Object				Số lượng người phân theo trình độ văn hoá
3.3.7.1	VH_TieuHoc	Number	8			Số người trình độ Tiểu học (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.7.2	VH_THCS	Number	8			Số người trình độ THCS (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.7.3	VH_THPT	Number	8			Số người trình độ THPT (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8	**TrinhDoChuyenMon**	Object				Số lượng người phân theo trình độ chuyên môn
3.3.8.1	CM_TrungCap	Number	8			Trình độ chuyên môn Trung cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8.2	CM_CaoDang	Number	8			Trình độ chuyên môn Cao đẳng (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8.3	CM_DaiHoc	Number	8			Trình độ chuyên môn Đại học (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.8.4	CM_SauDH	Number	8			Trình độ chuyên môn sau Đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9	**LyLuanChinhTri**	Object				Số lượng người phân theo trình độ lý luận chính trị
3.3.9.1	LLCT_TrungCap	Number	8			Lý luận chính trị Trung cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9.2	LLCT_CuNhan	Number	8			Lý luận chính trị Cử nhân (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.9.3	LLCT_CaoCap	Number	8			Lý luận chính trị Cao cấp (Đơn vị: Người) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: (10^8) - 1
3.3.10	GhiChu	String	1000			Ghi chú

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	{{base_url}}/apiCQDP/1.0/api/v1/nguoikhongchuyentrachthontodanpho
Request header	**Method**	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ cqdp_token)

Request	**Tham số**	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng

Response Body	**Thành công**	{
		"code": 200,
		"message": "Thành công!",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00",
		"data": {
		"content": [
		{
		"idBanGhi": "G09-nguoikhongchuyentrachthontodanpho-001001",
		"maTTDP": 1001,
		"maLoaiDuLieu": "nguoikhongchuyentrachthontodanpho",
		"suKien": "UPDATE",
		"phienBan": 2,
		"thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00",
		"duLieu": "PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..."
		}
		],
		"pageNumber": 0,
		"pageSize": 20,
		"totalElements": 1,
		"totalPages": 1
		}
		}

	Không thành công	{
		"code": 400,
		"message": "Mô tả lỗi tham số khai thác",
		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00"
		}

Ví dụ bản tin	**duLieu (sau giải mã)**	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>nguoikhongchuyentrachthontodanpho</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat>

		</TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-nguoikhongchuyentrachthontodanpho-001001</IdBanGhi> <TTNhanDang> <MaDVHC>00001</MaDVHC> <TenDVHCXa>Xã B</TenDVHCXa> <TenDVHCTinh>Tỉnh A</TenDVHCTinh> <MaDVHCTinh>01</MaDVHCTinh> <MaTTDP>1001</MaTTDP> <TenTTDP>Thôn 1</TenTTDP> </TTNhanDang> <TTCoCauChatLuong> <TongSo>3</TongSo> ... </TTCoCauChatLuong> </DuLieuChiaSe> </Root>

2.7. API khai thác dữ liệu danh mục (cqdp_dm_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu danh mục trong Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Dữ liệu gồm các giá trị danh mục dùng chung (mã, giá trị, trạng thái hiệu lực, danh mục cha) sử dụng trong các bản tin dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maDanhMuc	String	x	Mã danh mục cần khai thác, theo Danh mục dùng chung ngành Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 17/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
2	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
3	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
5	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	ma	String	x		Mã giá trị danh mục
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: mã danh mục được khai thác
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu danh mục (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thẻ tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	**Root**			x		Phần mô tả
1.	**NguonDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: theo mã danh mục được khai thác
2.	**TrangThaiDuLieu**	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị hành chính; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	**MoTa**	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: (2^31)-1
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	**DuLieuChiaSe**	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là 01 bản ghi giá trị trong bảng danh mục. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	Ma	String	250	x		Mã danh mục
3.3	GiaTri	String	4000	x		Giá trị danh mục
3.4	TrangThai	String	1	x		Trạng thái hiệu lực: Y-Hiệu lực, N-Hết hiệu lực

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.5	MoTa	String	4000			Mô tả giá trị
3.6	MaDanhMucCha	String	250			Mã danh mục cha
3.7	NgayHieuLuc	String	10			Ngày hiệu lực. Định dạng YYYY-MM-DD có nghĩa năm-tháng-ngày.
3.8	NgayHetHieuLuc	String	10			Ngày hết hiệu lực. Định dạng YYYY-MM-DD có nghĩa năm-tháng-ngày.
3.9	MaDanhMucCu	String	250			Mã danh mục cũ

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	**URL**	{{base_url}}/apiCQDP/1.0/api/v1/danhmuc
Request header	**Method**	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ cqdp_token)
Request	**Tham số**	?maDanhMuc={mã danh mục}&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng
Response Body	**Thành công**	{ "code": 200, "message": "Thành công!", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00", "data": { "content": [{ "idBanGhi": "G09-danhmuc-000001", "ma": "01", "maLoaiDuLieu": "{mã danh mục}", "suKien": "UPDATE", "phienBan": 2, "thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00", "duLieu": "PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..." }], "pageNumber": 0, "pageSize": 20, "totalElements": 1, "totalPages": 1 } }
	Không thành công	{ "code": 400, "message": "Mô tả lỗi tham số khai thác", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00" }

Ví dụ bản tin	**duLieu (sau giải mã)**	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>{mã danh mục}</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-danhmuc-000001</IdBanGhi> <Ma>01</Ma> <GiaTri>...</GiaTri> <TrangThai>Y</TrangThai> </DuLieuChiaSe> </Root>

3. Đối chiếu cấu trúc bản tin với Danh mục

3.1. Nguyên tắc áp dụng

Trường thông tin tại bản tin của các dịch vụ được xác định theo Danh mục các trường thông tin và cấu trúc dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định số 976/QĐ-BNV ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (sau đây gọi là Danh mục). Trường hợp tên trường tại bản tin khác tên trường tại Danh mục thì áp dụng bảng ánh xạ tại mục 3.2. Các phần tử IdBanGhi và các phần tử dạng Object (TTNhanDang, TTHienTrangDVHC, KQPhanLoaiDVHC, TTYeuToDacThuDVHC, TTBanDoVaDGHC, TTCoCauChatLuong, DoTuoi, TrinhDoVanHoa, TrinhDoChuyenMon, LyLuanChinhTri, TTThanhPhanDaiBieu, CoQuanCongTac, TTToChuc, TTPhapLy) là phần tử cấu trúc của bản tin, không phải trường thông tin của Danh mục.

Tính bắt buộc của trường dữ liệu áp dụng theo Danh mục. Các trường TongSoDVHC, SoNu, MaDVHCTinh, MaTTDP, TenTTDP được đánh dấu bắt buộc tại bản tin do hệ thống tự xác định giá trị (giá trị khóa, mã, tên đơn vị cấp trên hoặc giá trị 0 khi không phát sinh), không làm phát sinh yêu cầu nhập liệu ngoài Danh mục. Trường LoaiDVHCT bắt buộc khi CapDVHC là cấp tỉnh; trường LoaiDVHCX bắt buộc khi CapDVHC là cấp xã.

3.2. Bảng ánh xạ tên trường

STT	Nhóm dữ liệu	Trường tại Danh mục	Trường tại bản tin	Ghi chú
1	Địa giới hành chính	Xa	SoXaTT	
2	Địa giới hành chính	Phuong	SoPhuongTT	
3	Địa giới hành chính	DacKhu	SoDacKhuTT	

STT	Nhóm dữ liệu	Trường tại Danh mục	Trường tại bản tin	Ghi chú
4	Địa giới hành chính	ATK	AnToanKhu	
5	Địa giới hành chính	TTDLQG	TTDuLichQG	Trung tâm du lịch quốc gia
6	Địa giới hành chính	TTDLQT	TTDuLichQT	Trung tâm du lịch quốc tế
7	Người hoạt động không chuyên trách	TenDVHC (STT 2)	TenDVHCXa	
8	Người hoạt động không chuyên trách	TenDVHC (STT 3)	TenDVHCTinh	
9	Người hoạt động không chuyên trách	Tuoi35_50	Tuoi35Den50	
10	Các nhóm dữ liệu	ThoiGianCapNhat	TrangThaiDuLieu/ThoiGianCapNhat	
11	Các nhóm dữ liệu	NguonDuLieu	NguonDuLieu/IdNguonDuLieu, MaLoaiDuLieu	Bản tin ghi mã hệ thống nguồn (G09) và loại dữ liệu; nguồn nghiệp vụ (văn bản, quyết định làm căn cứ) được lưu tại Cơ sở dữ liệu, cung cấp khi có yêu cầu đối soát

3.3. Trường bổ sung vào bản tin

Các trường sau được bổ sung vào bản tin, không bắt buộc; Trung tâm Công nghệ thông tin cập nhật dịch vụ theo điểm e khoản 21 Quy trình, bảo đảm hệ thống khai thác đang kết nối không bị gián đoạn.

STT	Nhóm dữ liệu (phần tử chứa)	Tên trường	Kiểu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	Địa giới hành chính (TTHienTrangDVHC)	DanSoDoThi	Number	12	Dân số khu vực đô thị (Đơn vị: Người). Giá trị nhỏ nhất: 0
2	Thôn, tổ dân phố (TTPhapLy)	NguonGocHinhThanh	String	50	Nguồn gốc hình thành thôn, tổ dân phố theo danh mục dùng chung
3	Thôn, tổ dân phố (TTPhapLy)	HinhThucHinhThanh	String	50	Hình thức hình thành thôn, tổ dân phố theo danh mục dùng chung
4	Thôn, tổ dân phố (TTPhapLy)	LyDoThucHien	String	1000	Lý do thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên
5	Các nhóm dữ liệu (DuLieuChiaSe)	TrangThai	String	50	Trạng thái sử dụng dữ liệu theo Danh mục: Đang sử dụng; Ngừng sử dụng
6	Địa giới hành chính; đại biểu HĐND; lãnh đạo (DuLieuChiaSe)	GhiChu	String	1000	Ghi chú

3.4. Trường thông tin không cung cấp qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu

STT	Trường tại Danh mục	Lý do
1	HoSoDiaGioi, BanDoDiaGioi, DuongDiaGioi, MocDiaGioi, BienBanMoc	Hồ sơ, bản đồ, mốc, tuyến địa giới hành chính không thuộc nhóm mặc định chia sẻ (điểm a khoản 17 Quy trình)
2	CoQuanCapNhat, DigitalSignature, AuditLog	Thông tin quản trị dữ liệu, lưu tại Cơ sở dữ liệu và cung cấp khi có yêu cầu đối soát (điểm a khoản 14 Quy trình)
3	SecurityLevel	Dữ liệu cung cấp qua dịch vụ đều thuộc nhóm mặc định chia sẻ; dữ liệu có mức độ bảo mật không công khai không cung cấp qua dịch vụ
4	DataStatus (trạng thái xử lý)	Chỉ dữ liệu đã phê duyệt được cung cấp (khoản 6, điểm b khoản 14 Quy trình)